FireAnt

CTCP Công trình giao thông Đồng Nai (UPCOM: DGT)

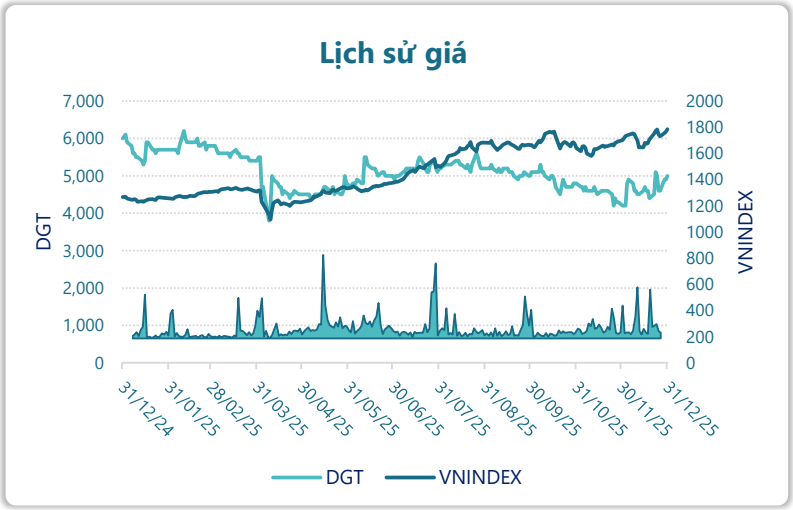

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**5,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,800
SL cổ phiếu LH	79,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	268,505
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	395
P/E	-47.5
EPS	-105

DT thuần

Q4/25

140

tỷ VNĐ

QoQ: ▼15.0| -9.5%

YoY: ▲ 88.0| 170%

LN sau thuế

Q4/25

0.55

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.65| -53.9%

YoY: ▲ 2.33| 131%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

0.7%

+/- YoY: ▼ 10.0%

DT thuần

2025

463

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 193| 71.5%

LN sau thuế

2025

-16.0

tỷ VNĐ

YoY: ▼20.0| -495%

ROE

2025

-0.8%

+/- YoY: ▼ 1.2%

Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh

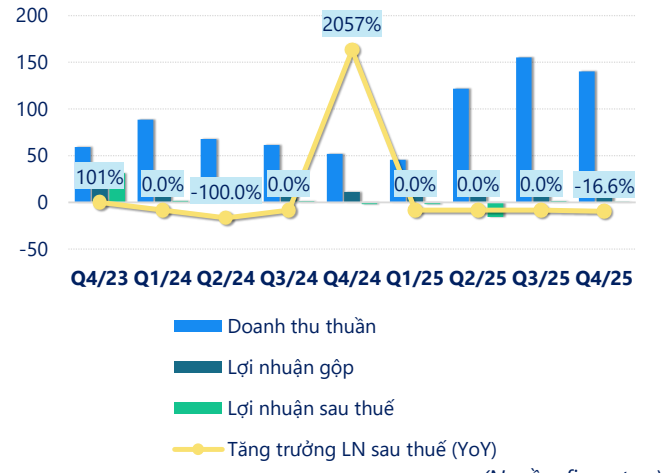

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

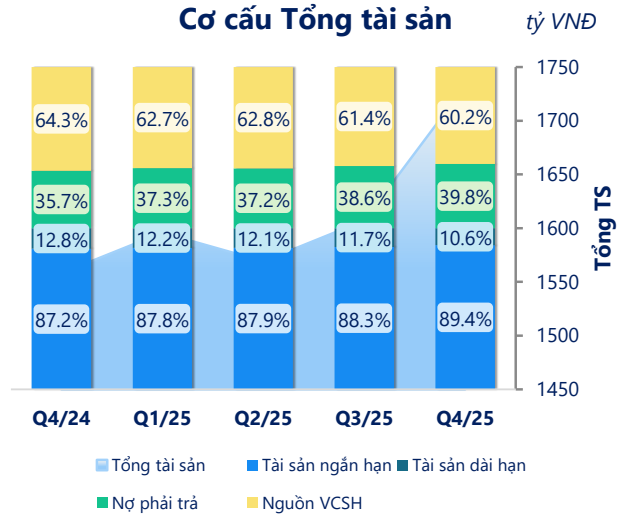

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

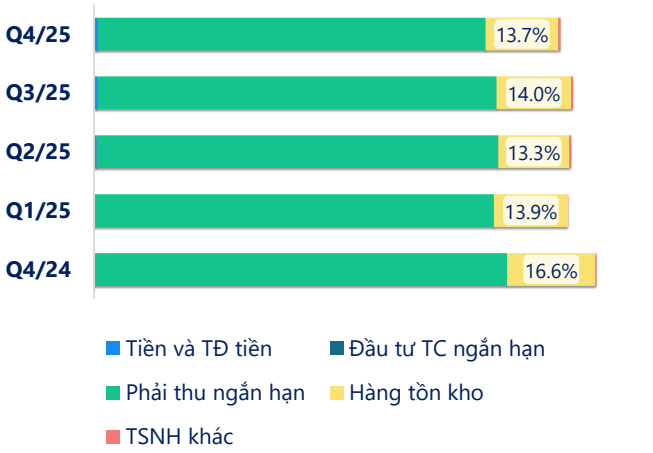

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

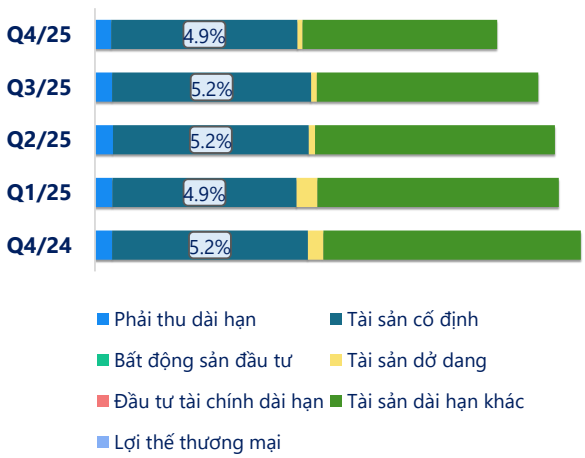

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

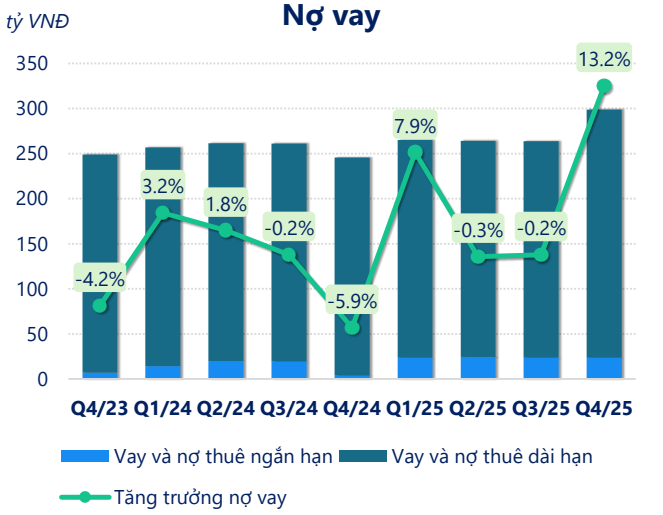

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

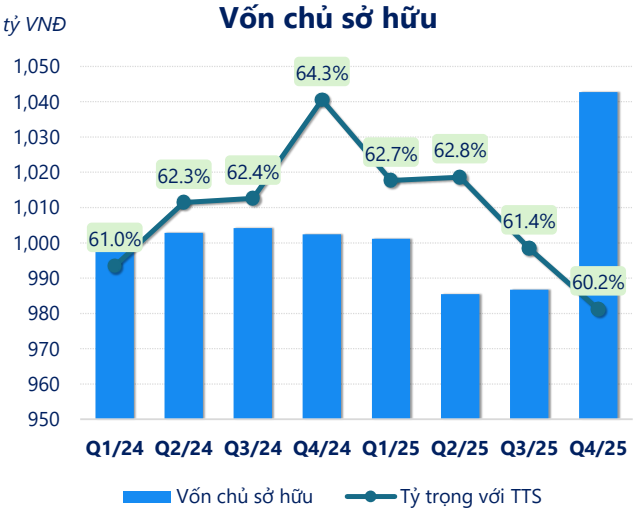

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

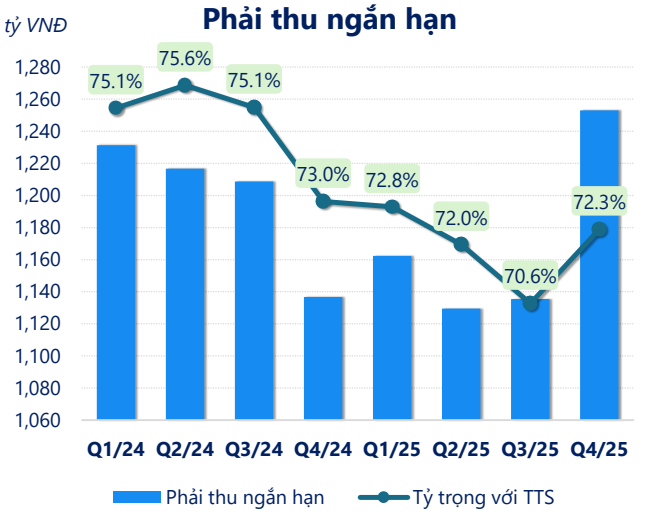

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

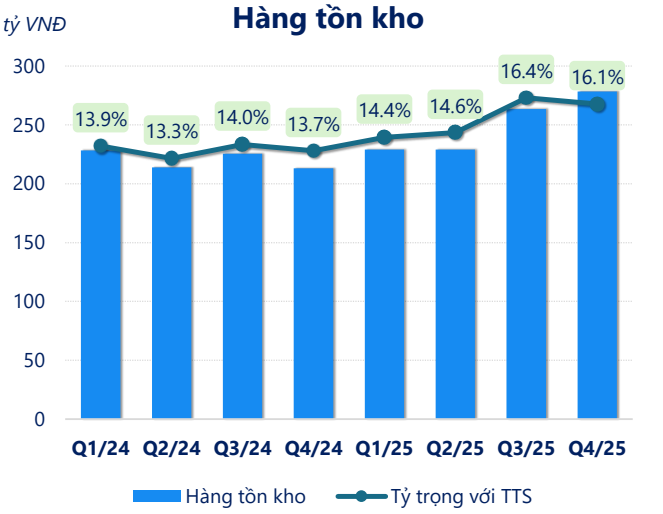

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

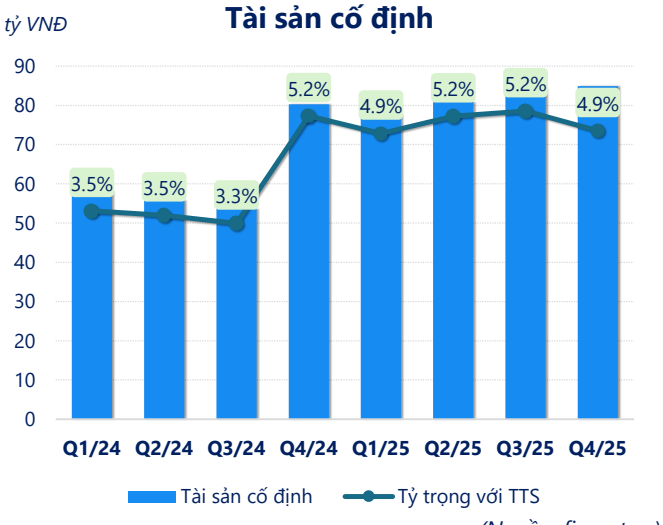

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

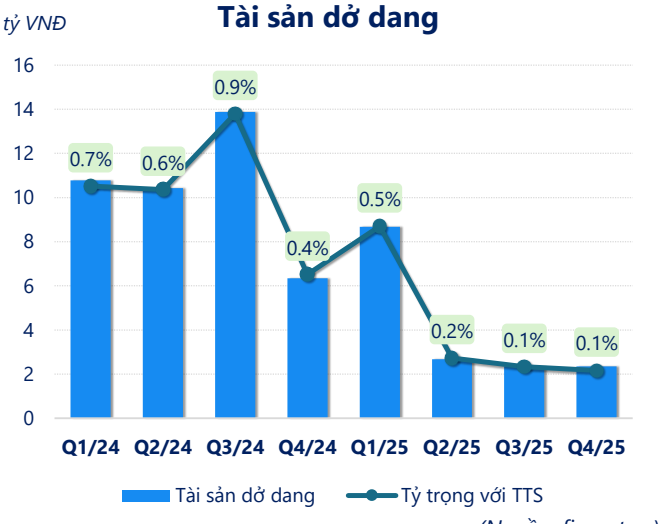

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

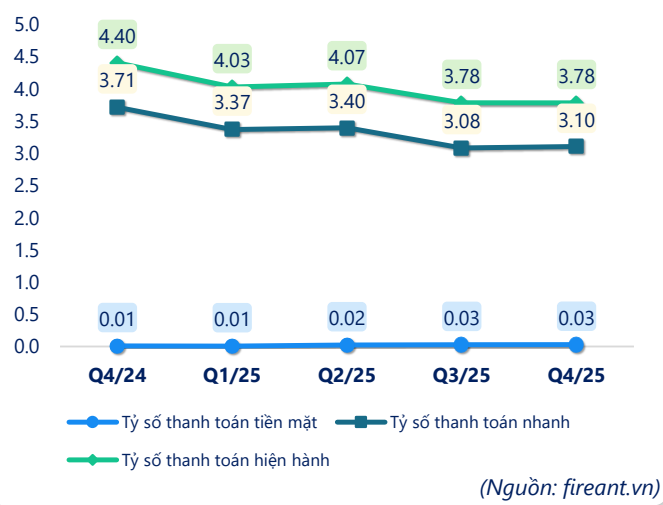

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

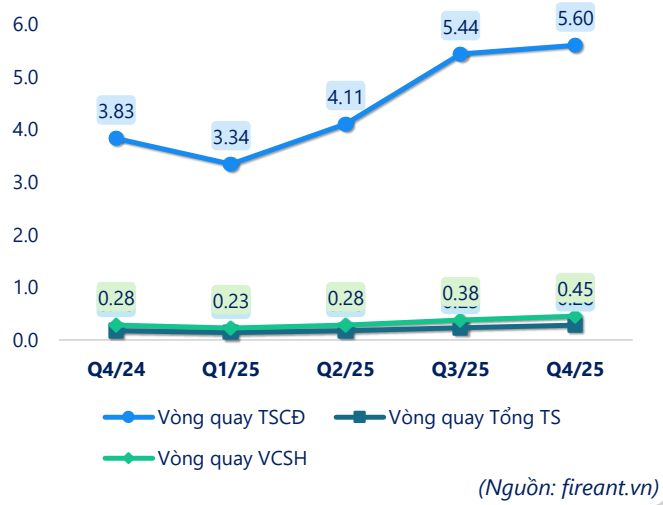

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**1,558**	**1,596**	**1,569**	**1,607**	**1,733**
Tài sản ngắn hạn	**1,359**	**1,401**	**1,379**	**1,420**	**1,549**
Tiền và tương đương tiền	2.70	2.15	7.37	10.1	11.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	1,137	1,162	1,129	1,135	1,253
Hàng tồn kho	213	229	229	263	278
Tài sản ngắn hạn khác	6.30	7.35	13.2	10.8	5.78
Tài sản dài hạn	**199**	**195**	**190**	**188**	**183**
Phải thu dài hạn	7.02	7.27	7.48	7.31	7.48
Tài sản cố định	80.3	77.5	80.8	84.2	84.9
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	6.34	8.68	2.68	2.34	2.34
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	106	101	99.1	93.7	88.7
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**556**	**595**	**584**	**620**	**690**
Nợ ngắn hạn	**309**	**348**	**339**	**375**	**410**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3.66	23.6	24.3	23.6	23.6
Phải trả người bán ngắn hạn	135	134	141	175	217
Nợ dài hạn	247	247	245	245	280
Vay và nợ thuê dài hạn	242	241	240	240	275
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,002**	**1,001**	**985**	**987**	**1,043**
Vốn chủ sở hữu	**1,002**	**1,001**	**985**	**987**	**1,043**
Vốn điều lệ	790	790	790	790	790
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)